

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 57

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con.

### Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLD ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng và chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 chính thức chuyển đổi Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH Một thành viên thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Sông Đà - CTCP, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi trụ sở chính.

### Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch; điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường);

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ nổ mìn; Mua bán khoáng sản;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, thi công và xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất điện; kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Sửa chữa tàu thuyền;
- Xuất khẩu lao động (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép)/.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018

##### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019

##### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2019

#### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018)

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty và các công ty con.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Trần Văn Tuấn**

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A 01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0517/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty con: Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A, Công ty Cổ phần Thủy điện Cần đơn, Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà và các công ty liên kết: Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2, Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Uerin được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con là Báo cáo tài chính chưa được soát xét bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Chúng tôi không được thực hiện soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục soát xét nào đối với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các Công ty con và Công ty liên kết nêu trên và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính của các Công ty con và Công ty liên kết này, được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.555.505.662.606</b>	<b>12.239.023.143.859</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>280.532.676.256</b>	<b>380.351.719.636</b>
1. Tiền	111		256.832.676.256	336.586.403.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.700.000.000	43.765.316.631
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>171.145.401.744</b>	<b>168.013.413.032</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.064.024.110)	(1.064.024.110)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	150.827.764.604	147.695.775.892
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.464.945.554.706</b>	<b>8.809.223.269.064</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	4.267.754.961.869	4.023.892.620.554
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	421.553.522.414	427.494.335.393
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.720.286.029.033	3.183.735.324.572
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.439.135.087.691	1.567.898.783.789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(393.613.681.538)	(408.235.197.002)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	9.829.635.237	14.437.401.758
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.435.918.670.155</b>	<b>2.687.961.259.674</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	2.435.918.670.155	2.687.961.259.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>202.963.359.745</b>	<b>193.473.482.453</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	60.357.326.760	63.730.693.431
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137.182.699.049	123.056.094.944
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	5.423.333.936	6.686.694.078
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.663.753.514.270</b>	<b>13.814.879.757.075</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>724.307.808.552</b>	<b>1.035.053.164.657</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	143.180.146.387	440.039.189.694
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	574.760.663.921	587.989.026.998
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	6.366.998.244	7.024.947.965
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.189.234.830.811</b>	<b>9.532.939.040.898</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	9.129.394.851.907	9.476.472.181.517
<i>Nguyên giá</i>	222		17.742.594.826.772	17.995.035.979.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.613.199.974.865)	(8.518.563.798.123)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	51.428.982.222	47.809.171.227
<i>Nguyên giá</i>	225		77.438.658.682	79.407.784.501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(26.009.676.460)	(31.598.613.274)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	8.410.996.682	8.657.688.154
<i>Nguyên giá</i>	228		14.097.397.123	14.097.397.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.686.400.441)	(5.439.708.969)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>205.045.099.516</b>	<b>192.300.489.881</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	205.045.099.516	192.300.489.881
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.245.395.858.321</b>	<b>2.719.527.790.323</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.923.349.712.900	2.403.122.974.806
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	356.415.522.478	354.953.481.478
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(35.369.377.057)	(39.548.665.961)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>299.769.917.070</b>	<b>335.059.271.316</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	150.395.660.610	175.201.454.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.950.092.819	6.962.386.535
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		20.372.763.799	21.003.637.490
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	122.051.399.842	131.891.792.873
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.219.259.176.876</b>	<b>26.053.902.900.934</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.154.824.854.832</b>	<b>18.883.330.709.902</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.553.845.030.239</b>	<b>12.173.642.240.817</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16a	2.095.409.648.855	2.262.551.161.663
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	663.084.730.707	806.318.921.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	252.874.355.064	249.462.096.512
4. Phải trả người lao động	314		181.639.867.836	267.076.753.809
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	1.340.008.922.168	1.189.644.473.633
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	16.999.258.577	12.976.296.293
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	2.066.302.247.294	2.149.837.480.414
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	4.895.734.804.951	5.195.425.470.565
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.522.338.271	1.227.102.179
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	40.268.856.516	39.122.484.478
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.600.979.824.593</b>	<b>6.709.688.469.085</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16b	205.542.668.195	146.481.030.980
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	89.270.302.816	90.439.782.764
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	94.652.176.544	91.647.853.477
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	6.194.096.603.147	6.363.107.483.308
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		17.418.073.891	16.911.336.619
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	1.100.981.937
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.064.434.322.045</b>	<b>7.170.572.191.032</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>7.064.399.726.448</b>	<b>7.170.537.595.435</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		114.615.683.251	121.017.852.438
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		34.976.183.100	37.988.691.817
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.608.267.387.373)	(1.608.267.387.373)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(12.338.192.901)	190.015.385.366
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		753.228.843.935	762.228.540.816
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.798.115.744	6.798.115.744
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		849.382.134.074	636.912.854.840
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		800.693.908.052	636.912.854.840
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.688.226.021	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		9.749.706	9.749.706
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.430.623.476.912	2.528.462.672.081
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.595.597</b>	<b>34.595.597</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.219.259.176.876</b>	<b>26.053.902.900.934</b>

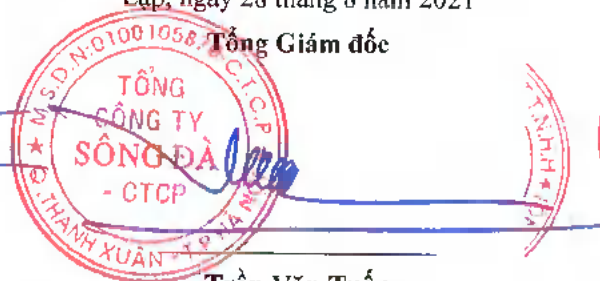
Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Mai Hương

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.950.737.551.809	2.889.943.859.452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	15.757.500.710	5.439.605.907
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.934.980.051.099	2.884.504.253.545
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.369.293.559.081	2.341.501.226.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		565.686.492.018	543.003.027.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	128.707.364.891	108.187.776.522
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	371.297.438.163	385.962.728.453
Trong đó: chi phí lãi vay	23		348.192.586.318	360.539.206.009
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.9	33.430.228.892	8.822.184.232
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.549.959.100	2.724.885.138
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	194.331.677.895	205.554.524.553
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		160.645.010.643	65.770.849.952
12. Thu nhập khác	31	VI.7	20.865.116.355	12.633.377.666
13. Chi phí khác	32	VI.8	37.353.085.564	30.536.038.474
14. Lợi nhuận khác	40		(16.487.969.209)	(17.902.660.808)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		144.157.041.434	47.868.189.144
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		47.004.190.386	28.599.559.421
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		519.030.988	1.337.191.064
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.633.820.060	17.931.438.659
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.688.226.021	(31.786.004.231)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		47.945.594.039	49.717.442.890
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	108	(77)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	108	(77)

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Mai Hương

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		144.157.041.434	47.868.189.144
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		328.192.486.778	291.586.495.894
- Các khoản dự phòng	03		(19.606.550.213)	(129.283.175.215)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	(16.601.573.957)	7.702.275.157
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(136.412.310.797)	(94.720.386.610)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	348.192.586.318	360.539.206.009
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	3.415.821.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		647.921.679.564	487.108.425.547
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		666.634.028.711	214.051.073.969
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		252.673.463.210	205.823.943.305
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.049.864.119.563)	(800.685.056.031)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		28.179.160.479	91.785.626.068
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5.141.078.364
- Tiền lãi vay đã trả	14		(283.686.664.605)	(282.520.203.297)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(55.595.550.279)	(42.385.613.213)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.298.805.833
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(22.159.624.615)	(26.051.647.570)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>184.102.372.902</b>	<b>(146.433.567.025)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.332.530.329)	(60.770.001.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		13.334.641.022	5.396.242.701
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(55.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.406.712.221	62.581.028.313
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.047.041.000)	(2.915.342.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.052.559.061	112.955.826.194
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>76.414.340.975</b>	<b>61.747.754.128</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	1.518.586.803.970	1.719.504.466.822
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(1.772.569.463.164)	(1.794.248.082.782)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(8.484.212.404)	(9.406.949.539)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(97.618.297.039)	(54.081.262.089)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(360.085.168.637)</i>	<i>(138.231.827.588)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(99.568.454.760)</b>	<b>(222.917.640.485)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>380.351.719.636</b>	<b>466.947.812.848</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(250.588.620)	(767.672.729)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>280.532.676.256</b>	<b>243.262.499.634</b>

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

#### **6. Cấu trúc Tổng công ty**

Tổng công ty bao gồm Công ty Mẹ và 20 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### **6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
4. Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,24%	65,24%	65,24%	65,24%
5. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
6. Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
7. Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Đầu số 96, đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
9. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	58,58%	68,93%	68,93%
10. Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
11. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
12. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

**Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Thôn Mãng đen, xã Đăk Long, huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	50,48%	50,48%	98,97%	98,97%
2. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	29,84%	29,84%	51,00%	51,00%



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản	22,65%	22,65%	75,90%	75,90%
4. Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Xã Ia mônông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	62,27%	62,27%	100,00%	100,00%
5. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện thương phẩm	35,77%	35,77%	57,45%	57,45%
6. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	41,40%	41,40%	81,25%	81,25%
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	37,48%	37,48%	73,48%	73,48%
8. Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem	Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	50,48%	50,48%	98,97%	98,97%

**6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Uerlin	Tầng 5 nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
2. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	36,65%	36,65%	36,65%	36,65%
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
5. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, Khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%	35,11%
6. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 23 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Kinh doanh bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
9. Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
10. Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratic	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
11. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Lô số 7-8, LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	29,10%	29,10%	29,10%	29,10%
12. Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Số 155, đường Trần Phú, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	Xây lắp	37,23%	37,23%	37,23%	37,23%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty có 4.710 nhân viên đang làm việc.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và các công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác*

##### Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty và các công ty con ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty và các công ty con tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại các Công ty con có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

##### *Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp*

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Giá trị lợi thế kinh doanh*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

#### **12. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty và các công ty con hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **13. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty mẹ và các Công ty con trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

#### **14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **17. Dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### **18. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

#### **19. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

##### *Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty và các công ty con. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty và các công ty con được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty và các công ty con đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty và các công ty con đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty mẹ và các Công ty con đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **22. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty và các công ty con đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **23. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

#### **24. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Tổng công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty và các công ty con.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	24.342.625.784	15.364.153.777
Tiền gửi ngân hàng	229.490.050.472	320.052.617.328
Tiền đang chuyển	3.000.000.000	1.169.631.900
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	23.700.000.000	43.765.316.631
<b>Cộng</b>	<b>280.532.676.256</b>	<b>380.351.719.636</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn (*)	1.600.500.000	(1.064.024.110)	1.600.500.000	(1.064.024.110)
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (*)	1.577.041.250	-	1.577.041.250	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (*) (**)	18.204.120.000	-	18.204.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.381.661.250</b>	<b>(1.064.024.110)</b>	<b>21.381.661.250</b>	<b>(1.064.024.110)</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(\*) Đây là các chứng khoán được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF), được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng Công ty Sông Đà.

(\*\*) Giá trị ghi sổ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 18.204.120.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.064.024.110	877.943.083
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	<b>1.064.024.110</b>	<b>877.943.083</b>

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>150.827.764.604</b>	<b>150.827.764.604</b>	<b>147.695.775.892</b>	<b>147.695.775.892</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	150.827.764.604	150.827.764.604	147.695.775.892	147.695.775.892
<b>Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>151.827.764.604</b>	<b>151.827.764.604</b>	<b>148.695.775.892</b>	<b>148.695.775.892</b>

#### 2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	41.730.000.000	40.230.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	135.105.214.374	134.848.445.697
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.768.397.463	3.768.397.463
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	841.026.439.650	838.931.309.267
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	19.943.926.691	19.943.926.691
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.796.833.320.522	1.349.992.336.514
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	11.434.704.423	11.408.559.174
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	69.507.709.777	-
<b>Cộng</b>	<b>2.923.349.712.900</b>	<b>2.403.122.974.806</b>

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 30/06/2021	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30/06/2021
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	128.215.909.014	(86.485.909.014)	41.730.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	51.105.214.374	135.105.214.374
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà -Ucrin	3.504.398.126	263.999.337	3.768.397.463

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 30/06/2021	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30/06/2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	1.065.245.494.600	(224.219.054.950)	841.026.439.650
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	(943.073.309)	19.943.926.691
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.107.039.446.070	689.811.594.103	1.796.851.040.173
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie	100.000.000.000	(96.000.000.000)	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	(12.005.000.000)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	(23.838.175.200)	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	47.040.000.000	22.467.709.777	69.507.709.777
<b>Cộng</b>	<b>2.591.775.423.010</b>	<b>320.157.305.119</b>	<b>2.911.932.728.129</b>

Khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 30/06/2021	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30/06/2021
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.560.000.000	6.874.704.423	11.434.704.423

*Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000	(423.244.509)	4.573.200.000	(423.244.509)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	(4.339.546.714)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(165.300.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110	-	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.951.350.000	-	2.951.350.000	-

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	-	6.875.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	51.820.100.000	-
Tổng công ty Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông	500.000.000	(195.400.000)	500.000.000	(200.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(17.137.760.000)	18.628.000.000	(17.510.320.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.515.440.000)	5.784.940.000	(5.613.440.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	9.450.000.000	(3.315.849.466)	9.450.000.000	(3.321.189.047)
Công ty Cổ phần G.S.M	-	-	585.000.000	(585.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi	1.841.309.273	-	1.841.309.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000	-	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.000	(707.887.800)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(4.276.836.368)	10.445.280.000	(3.842.537.891)
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Tụy Loan	87.301.556.000	-	85.254.515.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	4.900.000.000	-	4.900.000.000	(2.840.200.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>356.415.522.478</b>	<b>(35.369.377.057)</b>	<b>354.953.481.478</b>	<b>(39.548.665.961)</b>

**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.118.456.561.332</b>	<b>968.039.693.577</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.580.598.208	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	481.438.926	574.149.538
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	2.504.101.671	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	43.359.973.030	25.477.541.047
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	10.928.600	10.440.863
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	407.426.143	407.426.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	6.410.316.599	9.384.165.774
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.246.978.214	4.006.828.011
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	494.929.281.761	362.451.300.909
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	563.525.518.180	563.147.243.084
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>3.149.298.400.537</b>	<b>3.055.852.926.977</b>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	249.124.908.224	378.881.468.411
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	55.410.410.057	64.244.175.072
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Á	148.027.510.641	114.924.598.681

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên danh CMC/ITD/Song Da	104.770.432.307	105.181.834.528
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	118.777.128.485	118.777.128.485
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	114.907.628.198	114.907.628.198
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	155.964.907.523	147.220.255.060
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	69.880.000.727	79.380.000.727
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	37.296.961.773	37.296.961.773
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	35.344.788.087	46.367.015.302
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	60.998.470.051	60.998.470.051
Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc	51.804.892.285	56.184.892.285
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	83.138.392.966	51.327.407.966
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	118.919.004.339	92.471.171.851
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	182.188.785.708	81.708.393.109
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	128.510.593.224	17.351.111.220
Các khách hàng khác	1.434.233.585.942	1.488.630.414.258
<b>Cộng</b>	<b><u>4.267.754.961.869</u></b>	<b><u>4.023.892.620.554</u></b>
<b>3b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>900.676.952</i>	<i>152.532.404.445</i>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	19.858.329.399
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	-	132.629.258.849
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>142.279.469.435</i>	<i>287.506.785.249</i>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	4.763.296.638	1.272.417.636
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	-	104.532.195.510
Các khách hàng khác	137.516.172.797	181.702.172.103
<b>Cộng</b>	<b><u>143.180.146.387</u></b>	<b><u>440.039.189.694</u></b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>36.689.441.204</i>	<i>36.689.441.204</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.747.108.285	2.747.108.285
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	33.942.332.919	33.942.332.919
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>384.864.081.210</i>	<i>390.804.894.189</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	-	17.290.607.948
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	29.757.486.765	33.355.782.068
Công ty TNHH Nhạc Sơn	-	14.441.024.594
Các đối tượng khác	355.106.594.445	325.717.479.579
<b>Cộng</b>	<b><u>421.553.522.414</u></b>	<b><u>427.494.335.393</u></b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**5. Phải thu về cho vay****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>683.843.145.129</b>	<b>1.089.188.393.617</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	681.815.691.918	1.087.160.940.406
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.036.442.883.904</b>	<b>2.094.546.930.955</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – vốn lưu động	992.294.823.248	971.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	994.112.670.777	1.074.578.144.742
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - CTCP	29.337.799.421	28.262.038.771
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	5.597.590.458	5.597.590.458
Viện Kinh tế xây dựng	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.720.286.029.033</b>	<b>3.183.735.324.572</b>

**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	574.660.663.921	587.889.026.998
<b>Cộng</b>	<b>574.760.663.921</b>	<b>587.989.026.998</b>

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>181.590.447.811</b>	<b>210.498.592.392</b>
<b>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</b>	<b>84.007.022.036</b>	<b>80.479.022.036</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	78.046.612.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Uerinn	1.697.410.036	1.697.410.036
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	3.528.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
<b>Phải thu các khoản khác</b>	<b>97.583.425.775</b>	<b>130.019.570.356</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	22.106.129.455	21.988.834.619
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	67.080.401.605	99.692.135.765
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	942.053.461	942.053.461
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.229.113.917	7.227.543.395
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 - Chi nhánh Tây Nguyên	137.334.225	137.334.225
Công ty TNHH Tư vấn Uerinn	5.426.637	5.426.637
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	56.724.221	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.257.544.639.880</b>	<b>1.357.400.191.397</b>
Tạm ứng	123.840.320.277	117.726.934.686
Ký quỹ, ký cược	59.945.594.426	114.010.208.046
Phải thu về cổ phần hóa	5.881.915.738	5.871.915.738

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	628.416.874.191	628.642.921.977
Tiền khối lượng công trình Cỏ Mã	26.290.232.000	26.240.232.000
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	29.351.147.150	29.351.147.150
Giá trị khối lượng giảm trừ khi quyết toán công trình	142.510.224.510	204.471.491.175
Các khoản phải thu khác	241.308.331.588	231.085.340.625
<b>Cộng</b>	<b>1.439.135.087.691</b>	<b>1.567.898.783.789</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.366.998.244	6.974.947.965
Phải thu dài hạn khác	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.366.998.244</b>	<b>7.024.947.965</b>

**7. Nợ xấu**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	408.235.197.002	475.444.008.618
Trích lập dự phòng bổ sung	11.651.528.569	1.524.605.701
Hoàn nhập dự phòng	(8.872.051.779)	(14.629.995.237)
Giảm do hợp nhất	(17.400.992.254)	(114.304.069.138)
Sử dụng dự phòng	-	(516.565.490)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>393.613.681.538</b>	<b>347.517.984.454</b>

**8. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là giá trị chênh lệch Công trình thủy điện Nậm He của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 sau kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

**9. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5.610.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	282.059.486.683	-	332.664.939.058	-
Công cụ, dụng cụ	9.132.878.423	-	11.680.915.592	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.132.479.602.160	-	2.320.933.556.481	-
Thành phẩm	-	-	8.538.319.654	-
Hàng hóa	-	-	1.902.436.000	-
Hàng hóa bất động sản	12.241.092.889	-	12.241.092.889	-
<b>Cộng</b>	<b>2.435.918.670.155</b>	<b>-</b>	<b>2.687.961.259.674</b>	<b>-</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	6.029.103.960	9.219.976.991
Chi phí sửa chữa	535.756.843	158.187.816
Chi phí bảo hiểm	1.340.841.170	1.552.461.257
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey <sup>(1)</sup>	47.677.389.977	47.677.389.977
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.774.234.810	5.122.677.390
<b>Cộng</b>	<b><u>60.357.326.760</u></b>	<b><u>63.730.693.431</u></b>

<sup>(1)</sup> Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

##### 10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	43.461.935.448	44.521.982.194
Công cụ dụng cụ	33.835.909.852	56.805.043.334
Chi phí ban điều hành	6.401.088.368	7.670.012.352
Chi phí sửa chữa tài sản	42.173.040.299	45.753.554.761
Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng	4.489.706.137	5.308.370.905
Thương hiệu Sông Đà	-	1.184.985.596
Nhà lắp ghép	485.801.556	1.943.206.222
Các chi phí trả trước dài hạn khác	19.548.178.950	12.014.299.054
<b>Cộng</b>	<b><u>150.395.660.610</u></b>	<b><u>175.201.454.418</u></b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	9.324.711.029.948	7.270.845.678.787	1.091.880.778.830	34.656.615.879	272.941.876.196	17.995.035.979.640
Mua sắm mới	1.232.035.454	4.276.806.728	-	337.993.182	40.909.091	5.887.744.455
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.403.189.855	-	-	-	13.403.189.855
Tặng do nhận bàn giao	1.744.908.415	-	-	-	-	1.744.908.415
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.024.595.697)	(12.558.503.363)	-	-	(89.583.099.060)
Giảm do hợp nhất	(15.354.101.178)	(110.557.420.331)	(53.886.761.954)	(4.095.613.070)	-	(183.893.896.533)
Phân loại lại	-	1.849.390.909	(1.849.390.909)	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.312.333.872.639</b>	<b>7.102.793.050.251</b>	<b>1.023.586.122.604</b>	<b>30.898.995.991</b>	<b>272.982.785.287</b>	<b>17.742.594.826.772</b>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.818.377.465	1.660.440.555.398	334.003.085.770	10.246.015.524	2.232.157.919	2.060.740.192.076
Chờ bán giao, thanh lý	-	81.045.388.766	15.769.028.233	164.818.182	489.363.636	97.468.598.817
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	2.922.268.550.211	4.618.153.302.946	874.534.181.547	26.813.370.100	76.794.393.319	8.518.563.798.123
Khấu hao trong kỳ	157.876.744.707	135.198.348.586	21.123.558.548	1.190.256.532	5.903.958.759	321.292.867.132
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	12.241.864.988	-	-	-	12.241.864.988
Tặng do nhận bàn giao	1.744.908.415	-	-	-	-	1.744.908.415
Thanh lý, nhượng bán	-	(76.817.137.345)	(12.558.503.363)	-	-	(89.375.640.708)
Giảm do hợp nhất	(8.223.290.061)	(90.267.621.884)	(52.177.032.466)	(599.878.674)	-	(151.267.823.085)
Phân loại lại	-	1.849.390.909	(1.849.390.909)	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.073.666.913.272</b>	<b>4.600.358.148.200</b>	<b>829.072.813.357</b>	<b>27.403.747.958</b>	<b>82.698.352.078</b>	<b>8.613.199.974.865</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	6.402.442.479.737	2.652.692.375.841	217.346.597.283	7.843.245.779	196.147.482.877	9.476.472.181.517
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.238.666.959.367</b>	<b>2.502.434.902.051</b>	<b>194.513.309.247</b>	<b>3.495.248.033</b>	<b>190.284.433.209</b>	<b>9.129.394.851.907</b>

*Trong đó:* Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 7.513.711.522.916 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****12. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	61.303.368.138	18.104.416.363	79.407.784.501
Thuê tài chính trong kỳ	10.641.028.000	784.391.636	11.425.419.636
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(13.394.545.455)	-	(13.394.545.455)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.549.850.683</b>	<b>18.888.807.999</b>	<b>77.438.658.682</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	26.041.317.248	5.557.296.026	31.598.613.274
Khấu hao trong kỳ	4.342.385.366	2.310.542.808	6.652.928.174
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(12.241.864.988)	-	(12.241.864.988)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.141.837.626</b>	<b>7.867.838.834</b>	<b>26.009.676.460</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	35.262.050.890	12.547.120.337	47.809.171.227
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.408.013.057</b>	<b>11.020.969.165</b>	<b>51.428.982.222</b>

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Chi phí quyền sử dụng đất</u>	<u>Thương hiệu Sông đà</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	8.349.978.200	1.104.763.000	4.452.655.923	190.000.000	14.097.397.123
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.349.978.200</b>	<b>1.104.763.000</b>	<b>4.452.655.923</b>	<b>190.000.000</b>	<b>14.097.397.123</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	337.478.200	1.104.763.000	1.267.205.923	-	2.709.447.123
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	337.478.200	1.104.763.000	3.861.301.088	136.166.681	5.439.708.969
Khấu hao trong kỳ	-	-	227.691.470	19.000.002	246.691.472
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>337.478.200</b>	<b>1.104.763.000</b>	<b>4.088.992.558</b>	<b>155.166.683</b>	<b>5.686.400.441</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	8.012.500.000	-	591.354.835	53.833.319	8.657.688.154
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.012.500.000</b>	<b>-</b>	<b>363.663.365</b>	<b>34.833.317</b>	<b>8.410.996.682</b>

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	<i>10.153.528.000</i>	<i>-</i>
<i>XDCB dở dang</i>	<i>182.840.171.791</i>	<i>181.095.571.184</i>
Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh	25.295.169.288	25.295.169.288
Dự án Thủy điện Sê Kông 3	48.849.426.755	48.849.426.755
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	13.027.631.370	13.097.391.370
Công trình thủy điện Đăk lô	71.076.731.924	71.698.110.826
Các công trình khác	24.591.212.454	22.155.472.945
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>12.051.399.725</i>	<i>11.204.918.697</i>
<b>Cộng</b>	<b>205.045.099.516</b>	<b>192.300.489.881</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**15. Lợi thế thương mại**

Số đầu năm	131.891.792.873
Phân bổ trong kỳ	(9.840.393.031)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>122.051.399.842</b>

**16. Phải trả người bán****16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>312.333.559.910</i>	<i>240.845.944.414</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	184.124.017	498.622.103
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	119.768.553.354	140.248.536.623
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	5.655.695.357	5.910.727.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	23.573.157.981	23.473.422.466
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.254.400.146	1.254.400.146
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	2.375.995.541	2.375.995.541
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.127.653.180	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	91.309.740.244	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.783.076.088.945</i>	<i>2.021.705.217.249</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	40.121.413.728	71.249.214.917
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	77.256.405.265	98.194.596.551
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	56.002.433.622	49.507.786.845
Công ty Cổ phần Lilama 10	39.084.438.390	74.581.442.186
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Quân Trung	30.714.991.390	30.714.991.390
Công ty Cổ phần Licogi 12	13.780.422.045	30.499.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	87.375.651.544	91.536.636.780
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	56.263.414.807	67.205.116.399
Các nhà cung cấp khác	1.382.476.918.154	1.508.215.505.673
<b>Cộng</b>	<b>2.095.409.648.855</b>	<b>2.262.551.161.663</b>

**16b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>62.672.137.915</i>	<i>41.658.449.468</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	3.965.569.807
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	45.892.241.397	28.706.322.084
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.622.909.017	1.863.279.076
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	6.514.516.512	7.123.278.501
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.117.276.234	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	3.559.624.948	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>142.870.530.280</i>	<i>104.822.581.512</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	47.045.055.007	21.539.104.116
Công ty Cổ phần SCI	7.464.585.145	8.896.709.509
Các đối tượng khác	88.360.890.128	74.386.767.887
<b>Cộng</b>	<b>205.542.668.195</b>	<b>146.481.030.980</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>84.617.421.489</b>	<b>52.907.890.987</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	200.000.000	3.382.321.836
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	7.009.634.556	7.009.634.556
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	77.261.304.056	42.515.934.595
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	146.482.877	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>578.467.309.218</b>	<b>753.411.030.284</b>
Bản quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7	106.298.289.000	107.167.049.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	9.994.017.659	10.994.017.659
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	29.541.942.962	133.188.364.841
Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng Lượng Hoàng Hải Quảng Trị	21.952.791.008	-
Các đối tượng khác	410.680.268.589	502.061.598.784
<b>Cộng</b>	<b>663.084.730.707</b>	<b>806.318.921.271</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Giảm do thoái vốn công ty con	Phải nộp	Phải thu	
<b>18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>								
Thuế GTGT hàng bán nội địa	128.063.237.833	642.680.532	115.295.156.547	(85.901.150.822)	(12.465.244.422)	144.991.999.136	642.680.532	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	123.457.544	(123.457.544)	-	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	7.546.336	(7.546.336)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	55.807.841.657	5.973.440.489	50.175.872.417	(55.595.550.279)	(5.918.455.925)	42.948.357.083	4.452.089.702	
Thuế thu nhập cá nhân	8.546.116.320	56.719.366	7.336.968.920	(7.533.834.392)	(266.992.360)	8.340.249.133	314.710.011	
Thuế tài nguyên	24.375.848.530	-	56.934.378.636	(56.401.944.740)	(4.521.933.538)	20.386.348.888	-	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.818.249.858	-	24.604.533.759	(4.060.349.418)	(9.825.228.018)	12.537.206.181	-	
Các loại thuế khác	1.781.420.415	-	1.856.692.800	(723.945.605)	(1.526.328.741)	1.387.838.869	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.311.394.595	13.853.691	20.525.750.493	(22.352.637.654)	(4.960.138.964)	16.524.368.470	13.853.691	
<b>Cộng</b>	<b>249.462.096.512</b>	<b>6.686.694.078</b>	<b>276.860.357.452</b>	<b>(232.700.416.790)</b>	<b>(39.484.321.968)</b>	<b>252.874.355.064</b>	<b>5.423.333.936</b>	

(\*) Công ty Cổ phần Sông Đà 9 điều chỉnh thuế phải nộp các năm trước số tiền 3.171.682.031 VND theo kết luận thanh tra thuế ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu	513.017.187.062	428.976.844.536
Chi phí các công trình	669.998.346.413	620.673.879.494
Tiền chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	146.060.416.988	126.152.379.923
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.771.971.705	13.841.369.680
<b>Cộng</b>	<b><u>1.340.008.922.168</u></b>	<b><u>1.189.644.473.633</u></b>

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	<i>16.999.258.577</i>	<i>12.976.296.293</i>
Doanh thu xây dựng công trình nhận trước	8.147.144.682	3.389.382.094
Doanh thu cho thuê văn phòng	8.852.113.895	9.586.914.199
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>	<i>89.270.302.816</i>	<i>90.439.782.764</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>106.269.561.393</u></b>	<b><u>103.416.079.057</u></b>

**21. Phải trả khác****21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.590.837.587</i>	<i>4.484.323.259</i>
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	106.514.328	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.061.711.409.698</i>	<i>2.145.353.157.155</i>
Kinh phí công đoàn	18.512.724.602	19.860.129.300
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	55.520.932.624	50.151.566.505
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.221.701.874	63.314.972.102
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	387.426.311.304	403.222.633.265
Chi phí lãi vay khác	454.973.909.007	458.712.007.859
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	308.142.703.882	332.697.759.773
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	473.711.066.726
Chi phí trung, đại tu chờ quyết toán	55.191.456.725	55.191.456.725
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	275.010.602.954	288.491.564.900
<b>Cộng</b>	<b><u>2.066.302.247.285</u></b>	<b><u>2.149.837.480.414</u></b>

**21b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.899.220.000	51.299.220.000
Nhận ký quỹ dài hạn	14.078.464.403	13.201.000.517
Công ty TNHH Nhạc Sơn	19.558.903.672	18.032.044.491
Các khoản phải trả dài hạn khác	9.115.588.469	9.115.588.469
<b>Cộng</b>	<b><u>94.652.176.544</u></b>	<b><u>91.647.853.477</u></b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****22. Vay và nợ thuê tài chính****22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	2.613.442.680.502	2.762.992.591.867
Vay các tổ chức và cá nhân khác	24.996.443.138	62.655.601.958
Vay dài hạn đến hạn trả	2.237.017.831.209	2.353.921.023.600
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	<u>20.277.850.102</u>	<u>15.856.253.140</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>4.895.734.804.951</u></b>	<b><u>5.195.425.470.565</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>Vay các tổ chức, cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	2.762.992.591.867	62.655.601.958	2.353.921.023.600	15.856.253.140	5.195.425.470.565
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.452.423.229.640	19.571.850.000	-	-	1.471.995.079.640
Số kết chuyển	-	-	204.308.215.890	12.829.268.962	217.137.484.852
Lãi nhập gốc	-	1.145.244.560	-	-	1.145.244.560
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(58.780.160)	-	(52.130.273.102)	-	(52.189.053.262)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.489.279.364.778)	(31.472.846.380)	(245.517.252.006)	(8.407.672.000)	(1.774.677.135.164)
Giảm do thoái vốn công ty con	(112.634.996.067)	(26.903.407.000)	(23.563.883.173)	-	(163.102.286.240)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.613.442.680.502</u></b>	<b><u>24.996.443.138</u></b>	<b><u>2.237.017.831.209</u></b>	<b><u>20.277.850.102</u></b>	<b><u>4.895.734.804.951</u></b>

**22b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	5.134.102.709.860	5.307.395.152.727
Trái phiếu (*)	1.040.000.000.000	1.040.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	<u>19.993.893.287</u>	<u>15.712.330.581</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.194.096.603.147</u></b>	<b><u>6.363.107.483.308</u></b>

(\*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, kỳ hạn là 3 năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD2, SD3, SD4, SD5, SD6, SD9, SDT, SJD, SJS, SDC, VCP, MPC và MEC.

Tổng công ty đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc Trái phiếu.



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Trái phiếu	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Số đầu năm	5.307.395.152.727	1.040.000.000.000	15.712.330.581	6.363.107.483.308
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	46.591.724.330	-	17.187.372.072	63.779.096.402
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(6.300.000.000)	-	(76.540.404)	(6.376.540.404)
Số kết chuyển	(204.308.215.890)	-	(12.829.268.962)	(217.137.484.852)
Giảm do thoái vốn công ty con	(2.949.019.000)	-	-	(2.949.019.000)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(6.326.932.307)	-	-	(6.326.932.307)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.134.102.709.860</b>	<b>1.040.000.000.000</b>	<b>19.993.893.287</b>	<b>6.194.096.603.147</b>

**23. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	39.122.484.478	45.577.497.744
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	23.925.301.455	28.808.879.977
Tăng khác	-	1.298.805.833
Chi quỹ	(22.159.624.615)	(26.051.647.570)
Giảm do hợp nhất	(26.157.241)	-
Giảm khác	(593.147.561)	(34.272.324)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.268.856.516</b>	<b>49.599.263.660</b>

**24. Vốn chủ sở hữu****24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.495.371.120.000	-	-	4.495.371.120.000
Thặng dư vốn cổ phần	121.017.852.438	-	6.402.169.187	114.615.683.251
Vốn khác của chủ sở hữu	37.988.691.817	-	3.012.508.717	34.976.183.100
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.608.267.387.373)	-	-	(1.608.267.387.373)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	190.015.385.366	-	202.353.578.267	(12.338.192.901)
Quỹ đầu tư phát triển	762.228.540.816	-	8.999.696.881	753.228.843.935
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.798.115.744	-	-	6.798.115.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	636.912.854.840	212.469.279.234	-	849.382.134.074
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	9.749.706	-	-	9.749.706
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.528.462.672.081	-	97.839.195.169	2.430.623.476.912
<b>Cộng</b>	<b>7.170.537.595.435</b>	<b>212.469.279.234</b>	<b>318.607.148.221</b>	<b>7.064.399.726.448</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****24b. Thặng dư vốn cổ phần**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty con được hợp nhất	247.039.154.370	262.743.562.150
Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau	(28.927.298.277)	(28.927.298.277)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	<u>(103.496.172.842)</u>	<u>(112.798.411.435)</u>
<b>Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty</b>	<b><u>114.615.683.251</u></b>	<b><u>121.017.852.438</u></b>

**24c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.582.107.600.000	1.667.542.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	103.496.172.842	112.798.411.435
Vốn khác của Chủ sở hữu	12.581.717.943	16.958.839.827
Cổ phiếu quỹ	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	475.113.308.956	489.063.045.590
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.797.338.433	3.797.338.433
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	95.332.743.269	66.488.646.398
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6.916.414	6.916.414
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con	<u>158.188.299.055</u>	<u>171.807.133.984</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.430.623.476.912</u></b>	<b><u>2.528.462.672.081</u></b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.950.737.551.809</b>	<b>2.889.943.859.452</b>
Doanh thu sản xuất công nghiệp	712.674.517.404	830.723.490.309
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.242.338.890	46.564.927.957
Doanh thu dịch vụ	149.259.783.146	82.086.361.952
Doanh thu kinh doanh bất động sản	72.181.619.131	73.722.238.484
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.994.307.810.941	1.843.075.653.013
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	21.071.482.296	13.771.187.737
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>15.757.500.710</b>	<b>5.439.605.907</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.934.980.051.099</b>	<b>2.884.504.253.545</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất công nghiệp	409.538.164.158	556.996.743.634
Giá vốn vật tư, hàng hóa	312.698.513	43.613.279.234
Giá vốn dịch vụ	117.613.268.060	60.054.375.593
Giá vốn kinh doanh bất động sản	49.277.475.149	62.119.258.042
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.772.163.741.685	1.603.219.408.876
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	20.388.211.515	15.498.160.824
<b>Cộng</b>	<b>2.369.293.559.081</b>	<b>2.341.501.226.203</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	88.750.377.864	89.742.113.459
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.694.358.072	18.404.608.879
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.697.895.779	41.054.184
Chiết khấu thanh toán	1.564.733.176	-
<b>Cộng</b>	<b>128.707.364.891</b>	<b>108.187.776.522</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	294.041.353.440	301.117.247.854
Lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu	54.151.232.878	59.421.958.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.399.207.361	12.518.357.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.096.321.822	7.743.329.341
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.594.288.904)	2.955.597.361
Chi phí tài chính khác	3.203.611.566	2.206.238.494
<b>Cộng</b>	<b>371.297.438.163</b>	<b>385.962.728.453</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	962.900.430	1.640.155.578
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ	429.923.563	497.630.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.135.107	587.098.717
<b>Cộng</b>	<b>1.549.959.100</b>	<b>2.724.885.138</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	116.362.171.073	131.139.663.435
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ	8.198.958.700	10.234.995.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.738.307.524	6.644.224.430
Thuế, phí, lệ phí	3.202.855.189	3.662.071.696
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.779.476.790	(13.105.389.536)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.961.860.600	14.313.752.539
Chi phí bằng tiền khác	42.088.048.019	52.665.206.229
<b>Cộng</b>	<b>194.331.677.895</b>	<b>205.554.524.553</b>

**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý TSCĐ	14.231.704.041	4.978.273.151
Nhượng bán vật tư, công cụ dụng cụ	2.752.774.032	488.407.273
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thải	450.928.658	46.752.801
Bảo hiểm bồi thường cháy nổ	-	2.500.000.000
Thu nhập từ chênh lệch thuế TNCN theo thuế suất của Lào và Việt Nam	-	439.242.866
Bồi thường tổn thất tài sản	44.665.919	1.295.290.886
Thu nhập khác	3.385.043.705	2.885.410.689
<b>Cộng</b>	<b>20.865.116.355</b>	<b>12.633.377.666</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thuế, chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội và các khoản khác	26.128.236.424	27.558.869.357
Chi phí thanh lý vật tư, dụng cụ	1.042.137.169	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bên Lào	7.177.647.950	-
Chi phí chuyển nhượng giám phát thái	161.137.718	96.093.699
Chi phí khác	2.843.926.303	2.881.075.418
<b>Cộng</b>	<b>37.353.085.564</b>	<b>30.536.038.474</b>

#### 9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ vốn góp %	Phần lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết	Phần lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	28,65%		1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	36,65%	35.053.626.935	11.667.008.057
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	43,10%	67.108.566.475	19.980.306.909
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất			26.145.249
<b>Cộng</b>		<b>103.018.089.001</b>	<b>33.430.228.892</b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Thông tin khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	48.688.226.021	(31.786.004.231)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.987.724.867)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	48.688.226.021	(34.773.729.097)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	449.537.112	449.419.644
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>108</b>	<b>(77)</b>

##### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ (71) VND xuống còn (77) VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty mẹ và các Công ty con không có công nợ và không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Kỳ này		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</i>					
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	316.200.000	-	-	316.200.000
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	276.000.000	-	-	276.000.000
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	45.900.000	-	-	45.900.000
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	275.400.000	-	-	275.400.000
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	275.400.000	-	-	275.400.000
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	179.210.455	-	-	179.210.455
Ông Nguyễn Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	187.800.000	-	-	187.800.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	-	-	192.000.000
<i>Ban kiểm soát</i>					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	183.600.000	-	-	183.600.000
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.931.510.455</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.931.510.455</b>

### Kỳ trước

#### *Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc*

Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	260.385.909	5.000.000	-	265.385.909
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	212.645.455	5.000.000	42.000.000	259.645.455
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	226.787.727	5.000.000	-	231.787.727
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	212.183.182	5.000.000	-	217.183.182
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	148.270.909	5.000.000	-	153.270.909
Ông Nguyễn Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	139.152.273	5.000.000	-	144.152.273
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	67.041.818	-	-	67.041.818

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	5.000.000	-	5.000.000
<i>Ban kiểm soát</i>					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	156.060.000	5.000.000	-	161.060.000
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	75.243.864	5.000.000	24.000.000	104.243.864
<b>Cộng</b>		<b>1.497.771.137</b>	<b>45.000.000</b>	<b>66.000.000</b>	<b>1.608.771.137</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratic	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty liên kết

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty mẹ và các Công ty con công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.18, và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty con do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện, bê tông thương phẩm.
- Lĩnh vực xây lắp: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	712.674.517.404	1.978.550.310.231	243.755.223.464	2.934.980.051.099
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>712.674.517.404</b>	<b>1.978.550.310.231</b>	<b>243.755.223.464</b>	<b>2.934.980.051.099</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	303.136.353.246	206.386.568.546	56.163.570.226	565.686.492.018
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(195.881.636.995)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				369.804.855.024
Doanh thu hoạt động tài chính				128.707.364.891
Chi phí tài chính				(371.297.438.163)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				33.430.228.892
Thu nhập khác				20.865.116.355
Chi phí khác				(37.353.085.564)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(47.004.190.386)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(519.030.988)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>96.633.820.060</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>25.568.966.884</b>	<b>6.637.866.821</b>	-	<b>32.206.833.705</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>205.106.782.287</b>	<b>106.042.581.191</b>	<b>17.043.123.300</b>	<b>328.192.486.778</b>



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	830.723.490.309	1.838.627.747.296	215.153.015.940	2.884.504.253.545
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>830.723.490.309</b>	<b>1.838.627.747.296</b>	<b>215.153.015.940</b>	<b>2.884.504.253.545</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	273.726.746.675	235.408.338.420	33.867.942.247	543.003.027.342
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(208.279.409.691)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				334.723.617.651
Doanh thu hoạt động tài chính				108.187.776.522
Chi phí tài chính				(385.962.728.453)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				8.822.184.232
Thu nhập khác				12.633.377.666
Chi phí khác				(30.536.038.474)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(28.599.559.421)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.337.191.064)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>17.931.438.659</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>25.994.304.135</b>	<b>73.682.188.210</b>	<b>3.552.953.773</b>	<b>103.229.446.118</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>187.044.210.267</b>	<b>94.267.259.090</b>	<b>17.024.968.734</b>	<b>298.336.438.091</b>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:				
	<b>Sản xuất công nghiệp</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.612.823.758.703	9.318.559.093.907	1.200.143.037.070	19.131.525.889.680
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.087.733.287.196
<b>Tổng tài sản</b>				<b>25.219.259.176.876</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.953.058.822.047	12.789.296.754.920	412.469.277.865	18.154.824.854.832
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>18.154.824.854.832</b>

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.161.125.040.883	9.455.773.614.504	1.401.849.337.779	20.018.747.993.166
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.035.154.907.768
<b>Tổng tài sản</b>				<b>26.053.902.900.934</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.566.772.740.989	13.865.810.908.316	450.747.060.597	18.883.330.709.902
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>18.883.330.709.902</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	2.106.139.815.639	2.205.007.491.578
Ngoài nước	828.840.235.460	679.496.761.967
<b>Cộng</b>	<b>2.934.980.051.099</b>	<b>2.884.504.253.545</b>

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn